

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN
Năm học 2026 - 2027

BẢNG ĐIỂM CHUẨN CÁC TRƯỜNG CHUYÊN

STT	Mã trường	Tên trường	Tên lớp chuyên	Chỉ tiêu	Số lượng trúng tuyển	Điểm chuẩn
1	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học	35	35	30.50
2	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Lịch sử	18	18	21.75
3	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ Văn	35	35	29.75
4	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học	18	18	33.75
5	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Tin học	17	17	27.30
6	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh	70	70	30.70
7	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Toán học	70	70	32.00
8	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vật lý	35	35	31.75
9	86000720	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Địa lý	17	17	18.00
10	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Hóa học	35	35	27.25
11	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Lịch sử	25	19	15.00
12	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Ngữ Văn	35	35	26.25
13	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Sinh học	35	35	26.75
14	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Tin học	35	35	19.60
15	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Tiếng Anh	35	35	28.30
16	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Toán học	35	35	29.50
17	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Vật lý	35	35	22.83
18	84000F01	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Địa lý	25	25	18.00
19	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Hóa học	35	35	33.00
20	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Lịch sử	35	34	16.00
21	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Ngữ Văn	35	35	31.50
22	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Sinh học	35	35	32.00
23	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Tin học	30	30	20.90
24	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Tiếng Anh	70	70	29.14
25	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Toán học	70	70	29.75
26	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Vật lý	35	35	27.75
27	83829722	Trường THPT Chuyên Bến Tre	Địa lý	35	24	15.50